

## Kết quả danh mục chỉ số VNDIAMOND Q4/2025

## LỊCH ĐÁNH GIÁ DANH MỤC CÁC QUỸ ETF Q4/2025

| Tháng 10                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Tháng 11 | Tháng 12                                                                                                                                                                    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Quỹ <b>DCVFM VN30 ETF, SSIAM VN30 ETF, MAFM VN30 ETF, KIM Growth VN30 ETF</b> (VN30 Index)                                                                                                                                                                                                                                                                             |          |                                                                                                                                                                             |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>NAV: 17.111,5 tỷ VND</li> <li>Kỳ đánh giá tiếp theo: Tháng 3/2026</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                    |          |                                                                                                                                                                             |
| Quỹ <b>DCVFMVN DIAMOND ETF, MAFM VNDIAMOND ETF, BVFVN DIAMOND ETF, Kim Growth DIAMOND ETF, ABFVN DIAMOND ETF</b> (VNDiamond Index)                                                                                                                                                                                                                                     |          |                                                                                                                                                                             |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>NAV: 14.467,1 tỷ VND</li> <li>Ngày công bố: <b>20/10</b></li> <li>Ngày giao dịch: <b>21/10 -31/10</b></li> <li>Kỳ đánh giá tiếp theo: <b>20/04/2026</b></li> </ul> <p><b>Kết quả: loại VIB</b></p> <p>Ước tính: <b>Top mua</b></p> <p><b>FPT, ACB, CTD</b></p> <p>Ước tính: <b>Top bán</b></p> <p><b>TCB, GMD, MWG, MBB</b></p> |          |                                                                                                                                                                             |
| Quỹ <b>SSIAM VNFIN LEAD ETF, VFM VN MIDCAP ETF, Vina Capital VN100 ETF,...</b> (6 quỹ)                                                                                                                                                                                                                                                                                 |          |                                                                                                                                                                             |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>NAV: 3.796,2 tỷ VND</li> <li>Ngày công bố: <b>20/10</b></li> <li>Ngày giao dịch: <b>21/10 -31/10</b></li> <li>Kỳ đánh giá tiếp theo: <b>20/04/2026</b></li> </ul>                                                                                                                                                               |          |                                                                                                                                                                             |
| Quỹ <b>Fubon FTSE Vietnam ETF</b> (FTSE Vietnam 30 Index)                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |          |                                                                                                                                                                             |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>NAV: 13.224,7 tỷ VND</li> <li>Kỳ đánh giá tiếp theo: Tháng 3/2026</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                    |          |                                                                                                                                                                             |
| Quỹ <b>Xtrackers Vietnam Swap UCITS ETF</b> (STOXX Vietnam Total Market Liquid Index)<br>(Quỹ FTSE Vietnam ETF đổi tên và bộ chỉ số mô phỏng chính thức từ ngày 14/10/2025)                                                                                                                                                                                            |          |                                                                                                                                                                             |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>NAV: 10.153,0 tỷ VND</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |          | <ul style="list-style-type: none"> <li>Ngày công bố: <b>05/12</b></li> <li>Ngày giao dịch: <b>05/12 -22/12</b></li> <li>Kỳ đánh giá tiếp theo: <b>06/03/2026</b></li> </ul> |
| Quỹ <b>VanEck Vectors Vietnam ETF</b> (MarketVector Vietnam Local Index)                                                                                                                                                                                                                                                                                               |          |                                                                                                                                                                             |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>NAV: 16.111,3 tỷ VND</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |          | <ul style="list-style-type: none"> <li>Ngày công bố: 12/12</li> <li><b>Ngày giao dịch: 13/12 -22/12</b></li> <li>Kỳ đánh giá tiếp theo: 13/03/2026</li> </ul>               |

Nguồn: DSC tổng hợp dựa vào dữ liệu ngày 21/10/2025

## Kết quả danh mục chỉ số VNDIAMOND Q4/2025

## KẾT QUẢ CHI TIẾT

- HOSE đã công bố kết quả rà soát danh mục chỉ số đầu tư VNDiamond vào ngày 20/10/2025 và sẽ hoàn thành cơ cấu ngày 31/10/2024. Các thay đổi sẽ có hiệu lực từ ngày 03/11/2025.
- Danh mục chỉ số VNDiamond kỳ cơ cấu Q4/2025 **loại cổ phiếu VIB và không bổ sung cổ phiếu mới**.

## TỔNG QUAN

Hiện có tổng cộng 6 quỹ ETF nội sử dụng chỉ số VNDiamond làm tham chiếu (bao gồm: DCVFMVN DIAMOND, MAFM VNDIAMOND, BVFVN DIAMOND, KIM Growth DIAMOND, ABF DIAMOND và VFCVN DIAMOND) với tổng quy mô tài sản hơn 14.467 tỷ đồng. Kể từ đầu năm, giá trị rút ròng của các quỹ ở mức -1,411 tỷ đồng.

## Dòng vốn các quỹ ETF theo chỉ số VNDiamond tại Việt Nam (tỷ VNĐ)

| Tên quỹ ETF         | Công ty quản lý quỹ        | Tổng NAV | Dòng vốn 1 tháng | Dòng vốn từ đầu năm |
|---------------------|----------------------------|----------|------------------|---------------------|
| DCVFMVN DIAMOND     | Quản Lý Quỹ Dragon Capital | 13.831   | 182              | (1.293)             |
| MAFM VNDIAMOND      | Quản lý quỹ Mirae Asset    | 348      | (23)             | (151)               |
| KIMGROWTH VNDIAMOND | Quản Lý Quỹ Kim Việt Nam   | 84       | 13               | (42)                |
| BVFN DIAMOND        | Quản lý Quỹ Bảo Việt       | 80       | 0                | (3)                 |
| ABFN DIAMOND        | Quản lý Quỹ An Bình        | 64       | (0)              | 16                  |
| VFCVN DIAMOND       | Quản Lý Quỹ Việt Cát       | 61       | 0                | 60                  |

Nguồn: Fiiipro

## KẾT QUẢ

## Danh mục chỉ số bao gồm 18 cổ phiếu trong đó loại cổ phiếu VIB và CTD được tăng tỷ trọng

Dựa theo tiêu chí chọn rổ VN Diamond 3.0, VIB bị loại do hệ số FOL thấp hơn mức yêu cầu tối thiểu 65% đối với cổ phiếu đã nằm trong danh mục. Trong kỳ Q2/2025, VIB đã nằm trong "Rổ chờ loại", nên không đủ điều kiện tiếp tục duy trì ở kỳ này.

Ngược lại, CTD đã được thêm vào "Rổ lần đầu" của chỉ số trong kỳ Q2/2025 và đáp ứng đầy đủ tiêu chí kỳ này. Cổ phiếu được chuyển sang "Rổ duy trì" với hệ số giới hạn trọng số (%wS) tăng từ 50% lên 100%, giúp tỷ trọng CTD tăng trong kỳ cơ cấu Q4/2025.

Danh mục VN Diamond mới gồm 18 cổ phiếu, trong đó 8 cổ phiếu ngân hàng chiếm khoảng 38% tổng tỷ trọng. Top 3 cổ phiếu có tỷ trọng lớn nhất lần lượt là FPT (15%), MWG (15%) và PNJ (9%).

## Kết quả danh mục chỉ số VNDIAMOND Q4/2025

## Hoạt động đáng chú ý của các quỹ ETF theo chỉ số VNDIAMOND

DSC ước tính 3 quỹ ETF lớn nhất tham chiếu chỉ số VNDiamond sẽ mua vào đáng kể các cổ phiếu: ACB (8,5 triệu cp), FPT (7,1 triệu cp), trong khi bán mạnh cổ phiếu: TCB (18,9 triệu cp), TPB (4,8 triệu cp), MBB (4,1 triệu cp), GMD (2,5 triệu cp) và VIB (2,7 triệu cp) trong đợt cơ cấu.

(Số liệu được dự báo dựa vào các tiêu chí của chỉ số VN Diamond và dữ liệu chốt ngày 20/10/2025. Tỷ trọng và khối lượng mua bán dự kiến của từng cổ phiếu có thể thay đổi từ nay đến khi kết thúc thời gian tái cơ cấu do biến động giá cổ phiếu, vốn hóa và số lượng chứng chỉ quỹ)

## KẾT QUẢ CÁC CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN CHỈ SỐ VNDIAMOND Q4/2025

| STT  | Mã  | Giá     | Số lượng CP lưu hành | Tỷ lệ free-float | Vốn hóa             | Tỷ trọng mới |
|------|-----|---------|----------------------|------------------|---------------------|--------------|
| 1    | FPT | 87.000  | 1.703.507.121        | 55%              | 148.205.119.527.000 | 15%          |
| 2    | MWG | 80.900  | 1.478.456.763        | 49%              | 119.607.152.126.700 | 15%          |
| 3    | PNJ | 83.900  | 341.149.107          | 85%              | 28.622.410.077.300  | 9%           |
| 4    | TCB | 37.850  | 7.086.240.414        | 55%              | 268.214.199.669.900 | 9%           |
| 5    | ACB | 24.800  | 5.136.656.599        | 45%              | 127.389.083.655.200 | 7%           |
| 6    | MBB | 25.250  | 8.054.999.909        | 65%              | 203.388.747.702.250 | 7%           |
| 7    | VPB | 29.750  | 7.933.923.601        | 15%              | 236.034.227.129.750 | 7%           |
| 8    | GMD | 63.300  | 426.495.109          | 50%              | 26.997.140.399.700  | 6%           |
| 9    | REE | 60.000  | 541.658.139          | 55%              | 32.499.488.340.000  | 4%           |
| 10   | HDB | 30.250  | 3.844.334.315        | 55%              | 116.291.113.028.750 | 4%           |
| 11   | KDH | 31.550  | 1.122.214.899        | 55%              | 35.405.880.063.450  | 4%           |
| 12   | NLG | 35.950  | 485.194.883          | 85%              | 17.442.756.043.850  | 3%           |
| 13   | CTG | 48.900  | 5.369.991.748        | 60%              | 262.592.596.477.200 | 2%           |
| 14   | MSB | 12.200  | 3.120.000.000        | 55%              | 38.064.000.000.000  | 2%           |
| 15   | CTD | 79.000  | 101.430.014          | 55%              | 8.012.971.106.000   | 2%           |
| 16   | BMP | 158.000 | 81.860.938           | 45%              | 12.934.028.204.000  | 1%           |
| 17   | TPB | 17.950  | 2.641.956.196        | 30%              | 47.423.113.718.200  | 1%           |
| 18   | OCB | 12.000  | 2.663.052.284        | 74%              | 31.956.627.408.000  | 1%           |
|      | VIB | 18.350  | 3.404.005.710        | 50%              | 62.463.504.778.500  | 0%           |
| Tổng |     |         |                      |                  |                     | 100%         |

Nguồn: DSC ước tính

## Kết quả danh mục chỉ số VNDIAMOND Q4/2025

## ƯỚC TÍNH SL MUA/BÁN CỔ PHIẾU CỦA CÁC QUỸ ETF THEO CHỈ SỐ VNDIAMOND Q4/2025

| STT | Mã  | Tỷ trọng mới | +/- CP từ FUEVFNVD | +/- CP từ FUEMA VND | +/- CP từ FUEBFVND | +/- CP từ 3 quỹ | Tổng giá trị giao dịch | Số phiên GD tương ứng |
|-----|-----|--------------|--------------------|---------------------|--------------------|-----------------|------------------------|-----------------------|
| 1   | FPT | 15%          | 6.899.548          | 176.101             | 31.616             | 7.107.266       | 613.332.130.639        | 1,1                   |
| 2   | ACB | 7%           | 8.253.919          | 203.585             | 38.934             | 8.496.439       | 219.711.676.038        | 0,8                   |
| 3   | CTD | 2%           | 1.593.179          | 45.839              | 8.282              | 1.647.300       | 139.136.701.543        | 1,6                   |
| 4   | REE | 4%           | 1.336.986          | 34.240              | 10.164             | 1.381.390       | 82.883.389.273         | 2,0                   |
| 5   | KDH | 4%           | 1.885.034          | 35.317              | 10.671             | 1.931.022       | 60.923.755.347         | 0,5                   |
| 6   | PNJ | 9%           | 494.549            | 9.545               | 5.603              | 509.697         | 42.763.616.808         | 0,7                   |
| 7   | BMP | 1%           | 157.567            | 8.815               | 1.689              | 168.071         | 25.555.209.750         | 1,0                   |
| 8   | NLG | 3%           | 615.561            | (21.309)            | 8.305              | 602.558         | 21.661.950.013         | 0,2                   |
| 9   | MSB | 2%           | (1.020.312)        | (22.833)            | (3.124)            | (1.046.269)     | (12.764.477.617)       | 0,1                   |
| 10  | CTG | 2%           | (537.397)          | (10.681)            | (2.079)            | (550.156)       | (26.902.634.096)       | 0,1                   |
| 11  | OCB | 1%           | (2.766.178)        | (84.148)            | (14.293)           | (2.864.620)     | (34.375.437.569)       | 0,7                   |
| 12  | HDB | 4%           | (1.966.044)        | (48.345)            | (9.450)            | (2.023.839)     | (31.221.136.424)       | 0,2                   |
| 13  | VPB | 7%           | (2.789.424)        | (80.759)            | (11.530)           | (2.881.713)     | (35.730.965.811)       | 0,1                   |
| 14  | TPB | 1%           | (4.700.192)        | (120.270)           | (21.234)           | (4.841.695)     | (66.908.429.202)       | 0,3                   |
| 15  | MBB | 7%           | (3.998.634)        | (102.047)           | (16.604)           | (4.117.285)     | (103.961.454.560)      | 0,2                   |
| 16  | MWG | 15%          | (1.624.147)        | (51.649)            | (6.831)            | (1.682.627)     | (136.124.540.146)      | 0,2                   |
| 17  | GMD | 6%           | (2.425.322)        | (75.361)            | (9.835)            | (2.510.518)     | (138.915.784.660)      | 1,3                   |
| 18  | TCB | 9%           | (18.390.940)       | (468.695)           | (81.353)           | (18.940.988)    | (347.567.134.562)      | 1,2                   |
|     | VIB | 0%           | (2.638.045)        | (75.902)            | (12.463)           | (2.726.409)     | (30.029.611.011)       | 0,3                   |

**Tổng** **100%**

nguồn: DSC ước tính

## Kết quả danh mục chỉ số VNDIAMOND Q4/2025

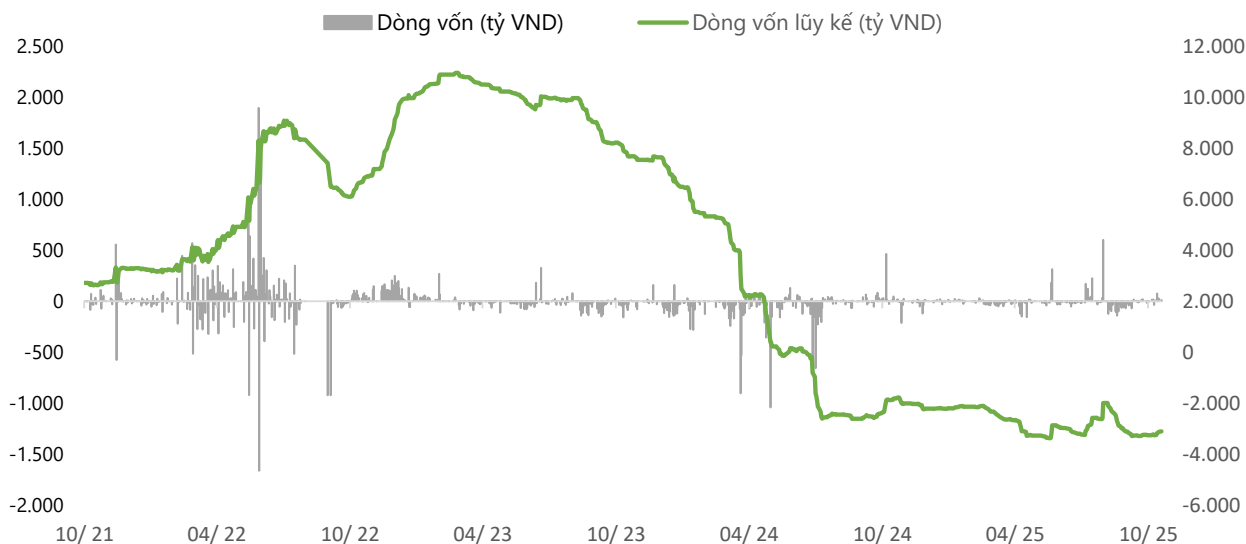
## PHỤ LỤC

## Tiêu chí đánh giá chỉ số VN DIAMOND INDEX 3.0

| Tiêu chí                 | Cổ phiếu thuộc bộ chỉ số                                                                                           | Cổ phiếu không thuộc bộ chỉ số                         |
|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
| Niên yết                 | Không trong diện bị cảnh báo<br>Niên yết trên HOSE >3 tháng                                                        |                                                        |
| Vốn hóa                  | GTVH_freefloat >= 2,000 tỷ đồng cho cp thuộc VNAllshare<br>GTVH_freefloat >= 5,000 tỷ đồng cho cp ngoài VNAllshare |                                                        |
| Thanh khoản              | GTGDKL >= 10 tỷ đồng/ngày<br>KLGDKL >= 100,000 cp/ngày                                                             | GTGDKL >= 20 tỷ đồng/ngày<br>KLGDKL >= 200,000 cp/ngày |
| Tỷ lệ FOL                | >= 65%                                                                                                             | >= 95%                                                 |
| PE                       | 0 <= PE <= 3 lần PE bình quân                                                                                      | 0 <= PE <= 2 lần PE bình quân                          |
| Vốn hóa NĐTNN có thể mua | Tối đa 500 tỷ đồng                                                                                                 |                                                        |
| Kỳ review                | Theo quý                                                                                                           |                                                        |
| Kỳ cơ cấu                | Nửa năm (tháng 4, tháng 10)                                                                                        |                                                        |

Nguồn: HSX, DSC tổng hợp

## Dòng vốn quỹ DCVFMVN Diamond (tỷ VNĐ)



Nguồn: Fiinpro

**Dự báo review danh mục chỉ số VNDIAMOND Q3/2024****Xác nhận của chuyên viên phân tích**

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

**Báo cáo miễn trừ trách nhiệm**

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán DSC và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

**Liên hệ - Trung tâm phân tích DSC****Trần Thanh Vân**

Chuyên viên Phân tích  
van.tt@dsc.com.vn

**HỘI SỞ CHÍNHH**

📍 Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội

☎ (024) 3880 3456

✉ info@dsc.com.vn